

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2021/DS-PT

Ngày: 11 - 01- 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp

Bà Trần Thị Kim Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020, về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Số nhà XXX, đường XV, Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Phước Ý, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 8, khu phố Hiệp Lễ, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 15-10-2019); (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1973; (có mặt).

2.2. Bà Phạm Thị Kim D, sinh năm 1976; (có mặt).

Ông B, bà D cùng địa chỉ: Số nhà Y, Hẻm Z, đường NVC, ấp L Y, xã LTN, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hữu Lộc, công tác tại Chi nhánh Văn phòng Luật sư Tài Lộc, Tây Ninh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đoàn Tuấn K, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà XXX, đường XV, Phường 21, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ông Phạm Thanh B, bà Phạm Thị Kim D – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2019, lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kh và của người đại diện hợp pháp của bà Kh là ông Lê Phước Ý trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện như sau:

Bà Nguyễn Thị Kh là chị cùng mẹ khác cha với ông Phạm Thanh B (bà Phạm Thị Kim D là vợ của ông B). Bà D trực tiếp điện thoại cho bà Kh hỏi mượn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) đồng để mua xe tải làm phương tiện vận chuyển để mua bán phân tro, bà Kh đồng ý. Ngày 15-8-2017, bà Kh có nhờ con bà là ông Đoàn Tuấn K đứng tên nộp tiền vào tài khoản số 050036678541 của ông Phạm Thanh B mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín số tiền 50.000.000 đồng, do bà chỉ muốn giúp đỡ em làm ăn nên không tính lãi và cũng không thỏa thuận thời hạn trả nợ, chỉ nói khi nào bà cần thì báo trước để vợ chồng ông B, bà D tiền trả lại. Ngày 28-6-2019, bà thông báo cho ông B yêu cầu trả tiền nhưng ông B không trả, ông B cho rằng số tiền bà chuyển cho ông B là tiền của mẹ bà 100.000.000 đồng được ông Đ cho để dưỡng già nhưng gửi cho bà giữ. Bà thừa nhận có giữ của mẹ bà số tiền 100.000.000 đồng nhưng bà đã chuyển cho ông B **hiều lần hết 50.000.000 đồng đến ngày 19-3-2019 (âm lịch) mẹ chết, số tiền 50.000.000 đồng của mẹ bà còn lại bà giao cho người em thứ út tên Phạm Thanh T giữ để lo việc ma chay cúng giỗ cho mẹ bà. Còn số tiền 50 triệu bà cho ông B mượn bà chuyển một lần vào ngày 15-8-2017. Nay bà Kh khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B, bà D hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.**

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 5 năm 2020 ông Phạm Thanh B trình bày:

Ông không có vay tiền của bà Kh. Số tiền bà Kh chuyển vào tài khoản của ông là tiền của ông Phạm Thanh Đ (em ruột của ông) cho mẹ ông 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để dưỡng già, các anh em trong gia đình thống nhất giao số tiền này cho bà Kh giữ, khi nào mẹ ông cần tiền thì điện thoại cho bà Kh

chuyển tiền về vào số tài khoản của ông để lấy tiền lo cho mẹ. Bà Kh mới chuyển về khoảng 50.000.000 đồng thì mẹ ông chết, số tiền 50.000.000 đồng của mẹ ông còn lại bà Kh đang giữ. Vợ chồng ông không lần nào mượn tiền của bà Kh, không nợ tiền gì nên không đồng ý trả.

Bà Phạm Thị Kim D trình bày: Thừa nhận lời trình bày của ông B là đúng. Năm 2017, vợ chồng bà có mua xe tải nhưng bằng nguồn tiền của ông bà, không phải mượn tiền của bà Kh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 12 năm 2019 ông Đoàn Tuấn K trình bày:

Ông là con ruột và đang sống chung nhà với bà Kh. Ông B, bà D nhiều lần mượn tiền của mẹ ông, hình thức thông qua chuyển khoản và ông là người chuyển tiền giúp mẹ ông cho ông B. Ngày 15-8-2017, ông có chuyển tiền giúp cho bà Kh vào tài khoản số 050036678541 của ông B mở tại Ngân hàng Sài Gòn thương Tín (Sacombank) số tiền 50.000.000 đồng, tiền này là do mẹ ông cho ông B, bà D vay ông chỉ là người chuyển tiền giúp mẹ ông.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 6 năm 2020, ông Phạm Thanh Đ trình bày:

Ông là em cùng mẹ khác cha với bà Kh, là anh cùng cha mẹ với ông B. Khoảng tháng 6 năm 2017, ông cho mẹ ông số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để dưỡng già. Các anh, chị em thống nhất giao cho bà Kh giữ số tiền này, khi nào cần chi phí cho mẹ thì bà Kh gửi tiền về cho vợ chồng ông B, bà D để lo cho mẹ. Ông không quan tâm đến số tiền này, nên không biết là bà Kh đã gửi về cho vợ chồng ông B, bà D bao nhiêu, gửi mấy lần, sau khi mẹ ông (cụ B1) chết thì bà Kh có công bố là đã gửi về lo chi phí cho mẹ hết 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng bà Kh nói đã đưa cho em út là ông Phạm Thanh T giữ để lo cúng giỗ cho mẹ. Ông có gặp ông T hỏi thì ông T nói là có giữ số tiền này, nên ông cũng không có ý kiến gì. Ông thấy việc bà Kh kiện đòi vợ chồng ông B, bà D số tiền 50.000.000 đồng là vô lý, vì bà Kh chuyển 50.000.000 đồng về cho vợ chồng ông B, bà D là trong số tiền 100.000.000 đồng của mẹ ông để lo cho mẹ như thỏa thuận của các ông bà em lúc đầu, chứ không phải việc vợ chồng ông B, bà D vay 50.000.000 đồng của bà Kh.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, **đã quyết định:**

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh đối với ông Phạm Thanh B và bà Phạm Thị Kim D.

Buộc ông Phạm Thanh B và bà Phạm Thị Kim D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kh số tiền **gốc 50.000.000 đồng** (năm mươi triệu đồng). Ghi nhận bà Kh không yêu cầu ông B, bà D trả tiền lãi.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 07 tháng 7 năm 2020, bà D, ông B kháng cáo cho rằng không có nợ bà Kh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà Kh có nộp 03 hóa đơn chuyển tiền cho ông B ngày 23-10-2017, 25-10-2017 và ngày 22-4-2019.

- Ông Phạm Thanh T gửi tờ khai nhân chứng trình bày nội dung có giữ số tiền 50.000.000 đồng của mẹ do bà Kh giao cho ông và có nhận tiền từ bà Kh nhiều lần giao cho ông B nuôi mẹ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 20-10-2020, Luật sư Lộc trình bày: Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng, cụ thể: Ngày 08-01-2020, bà D tham gia phiên tòa sơ thẩm tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án “đòi lại tài sản” giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Kh đối với bị đơn Lê Thị Cẩm T1, thời gian xét xử từ lúc 08 giờ 30 phút kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút. Tuy nhiên, Biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị Kim D do Thẩm phán Lê Thị DZ và Thư ký Lê Thị Hoàng Y lập ngày 08-01-2020 bắt đầu lúc 10 giờ, kết thúc lúc 11 giờ cùng ngày là không có căn cứ, vì trùng với thời gian bà D tham gia phiên tòa khác, nên Biên bản lấy lời khai ngày giờ nêu trên là không có thật, đề nghị cho giám định chữ ký của bà D và hủy án sơ thẩm.

- Bà D khiếu nại hành vi tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và thư ký phiên tòa sơ thẩm cũng là người tham gia lấy lời khai, hòa giải vụ án này.

- Tòa án đã tạm dừng phiên tòa.

- Ngày 02-11-2020, ra Quyết định tạm đình xét xử phúc thẩm chờ cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

- Ngày 28-12-2020, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định số 25/2020/QĐ-GQKN giải quyết; không chấp nhận khiếu nại của bà **Phạm Thị Kim D**.

- Ngày 04-01-2021, Tòa án ra quyết định tiếp tục xét xử phúc thẩm vụ án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bà D, ông B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Người đại diện bà Kh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Luật sư Lộc trình bày:
 - + Về tố tụng: Đề nghị hủy án sơ thẩm do vi phạm tố tụng.
 - + Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.
- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, ông B; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của ông B, bà D, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Kh khởi kiện yêu cầu bà D, ông B trả cho bà số tiền vay 50.000.000 đồng; chứng cứ là hóa đơn chuyển tiền ngày 15-8-2017. Bà D, ông B không thừa nhận nợ bà Kh, ông B cho rằng số tiền bà Kh chuyển vào tài khoản của ông là tiền của ông Đ cho mẹ ông dưỡng già nhưng giao bà Kh giữ, bà Kh chuyển cho ông B để nuôi mẹ.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng:

3.1. Về chứng cứ: Trong quá trình giải quyết bà Kh có xuất trình 04 hóa đơn chuyển tiền vào tài khoản số 050036678541 của ông Phạm Thanh B mở tại Ngân hàng Sài Gòn thương Tín (Sacombank) các lần như sau: Ngày 15-8-2017, chuyển 50.000.000 đồng; ngày 23/10/2017, chuyển 15.000.000 đồng; ngày 25-10-2017, chuyển 5.000.000 đồng; ngày 22-4-2019, chuyển 5.000.000 đồng. Tổng cộng 75.000.000 đồng. Ngoài ra bà Kh còn giao cho ông Tú số tiền 50.000.000 đồng được ông T và ông Đ xác nhận.

3.2. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ, phúc thẩm ông B bà D thừa nhận có nhận số tiền 50.000.000 đồng do bà Kh chuyển vào tài khoản của ông B, sau khi xem các hóa đơn chuyển tiền ông B xác nhận chữ ký nhận tiền trong hóa đơn là do ông ký, nhưng vợ chồng ông B không đề xuất được chứng cứ chứng minh cho mục đích nhận số tiền trên để nuôi mẹ. Do đó, cấp sơ thẩm kết luận ông B, bà D có vay của bà Kh số tiền 50.000.000 đồng. Ông B bà D là vợ chồng hoạt động kinh tế chung nên ông B, bà D phải có nghĩa vụ trả cho bà Kh số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B, bà D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3.3. Xét lời trình bày của luật sư Lộc và bà D cho rằng: Bà D có khiếu nại không thừa nhận lời khai ngày 08-01-2020 do Thẩm phán Lê Thị DZ và Thư ký Lê Thị Hoàng Y lập và đề nghị hủy án sơ thẩm. Thấy rằng, mặc dù khiếu nại của bà D đã được Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết xong. Tuy nhiên, lời khai của bà D trong Biên bản lấy lời khai ngày 08-01-2020 không phải là chứng cứ duy nhất để kết luận về số nợ vay, nên yêu cầu hủy án sơ thẩm của luật sư và bà D không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác xây dựng hồ sơ.

[4] Đối với việc chuyển giao tiền nuôi mẹ của bà Kh, nếu chưa giao đủ thì bà Kh chịu trách nhiệm với ông Đ.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Thanh B và bà Phạm Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14, cụ thể số tiền phải trả $50.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.500.000 \text{ đồng}$ (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Thanh B và bà Phạm Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Thanh B và bà Phạm Thị Kim D;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị Kh đối với ông Phạm Thanh B và bà Phạm Thị Kim D;

Buộc ông Phạm Thanh B và bà Phạm Thị Kim D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kh số tiền **50.000.000 đồng** (năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà Kh không yêu cầu ông B, bà D trả tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: Ông Phạm Thanh B và bà Phạm Thị Kim D phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Thanh B và bà Phạm Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng bà D, ông B theo Biên lai thu tiền số: 0008948 ngày 08 – 7 – 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (ghi nhận ông B, bà D đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TX Hòa Thành;
- CCTHADS TX Hòa Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đường sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Phạm Văn Tâm